

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán đầu tư thiết bị, công nghệ để tăng cường năng lực công tác tham mưu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 06/9/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2933/TTr-SNNPTNT ngày 29/10/2019 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2598/STC-HCSN ngày 23/10/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán đầu tư thiết bị, công nghệ để tăng cường năng lực công tác tham mưu phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh với những nội dung chính như sau:

1. Tên các nhiệm vụ: (04 nhiệm vụ)

- Nhiệm vụ 1: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Nhiệm vụ 2: Cập nhật, xây dựng, nâng cấp Bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Nhiệm vụ 3: Đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp ứng phó.

- Nhiệm vụ 4: Xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai.

2. Cơ quan lập đề cương: Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (Văn

phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh).

3. Chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh).

4. Địa điểm thực hiện: Tỉnh Quảng Ngãi.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ

*a) Nhiệm vụ 1: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh*

a1) Mục tiêu:

- Góp phần triển khai chính quyền điện tử và chủ trương thực hiện hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến nhằm mục đích giảm bớt chi phí cho ngân sách, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo điều hành trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong việc họp từ xa thông qua hội nghị trực tuyến với Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai trong công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, đồng thời việc đầu tư nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có thể sử dụng thay thế cho phòng họp trực tuyến tại Văn phòng UBND tỉnh khi cần thiết.

a2) Nhiệm vụ:

- Thiết kế sơ đồ bố trí thiết bị phòng họp và kết nối hệ thống trực tuyến.

- Trang bị bổ sung, hoàn thiện trang thiết bị phòng họp trực tuyến kết hợp các thiết bị, dụng cụ hiện có tại phòng họp của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đảm bảo kết nối phục vụ hội nghị, họp triển khai khẩn cấp công tác phòng, chống thiên tai giữa Trung ương và địa phương.

a3) Quy mô đầu tư: Trang bị bổ sung các trang thiết bị hoàn thiện phòng họp trực tuyến tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, gồm:

- Hệ thống âm thanh:

+ Micro: 01 micro cho chủ tọa và 20 micro cho các đại biểu.

+ Hệ thống trung tâm.

- Màn hình tivi: 02 cái màn hình 65 inch.

- Bộ bàn: Bộ bàn họp sử dụng cho phòng họp trực tuyến.

- Ghế cho chủ tọa: 01 cái.

a4) Dự toán kinh phí: 546.673.000 đồng; Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn đồng.

a5) Nguồn kinh phí: Vốn sự nghiệp do ngân sách tỉnh.

a6) Thời gian thực hiện: Năm 2020.

b) *Nhiệm vụ 2: Cập nhật, xây dựng, nâng cấp Bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.*

b1) Mục tiêu:

- Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai;

- Xây dựng được bản đồ ngập lụt chi tiết đến cấp huyện, xã nhằm hỗ trợ chính quyền địa phương các cấp chủ động ứng phó với các tình huống diễn biến lũ và làm cơ sở cho việc xây dựng phương án ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hằng năm tại các cấp, kết hợp cung cấp thông tin cho việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b2) Nhiệm vụ:

- Thu thập, điều tra khảo sát bổ sung và tổng hợp, phân tích các dữ liệu về khí tượng, thủy văn, địa hình, hệ thống sông ngòi và các công trình, phát triển kinh tế xã hội trên các lưu vực sông của tỉnh để cập nhật số liệu đầu vào cho các mô hình mô phỏng quá trình lũ và khả năng ngập lụt trên các lưu vực sông.

- Cập nhật, thiết lập bổ sung mới cho các mô hình thủy văn, thủy lực một chiều, thủy lực hai chiều và tính toán mô phỏng hiệu chỉnh, kiểm định mô hình với số liệu đo tại trạm thủy văn và các vết lũ điều tra thu thập trên lưu vực sông.

- Tính toán bằng mô hình mô phỏng lũ để xác định phạm vi ngập lụt trên các lưu vực sông do lũ theo các kịch bản điển hình (các cấp báo động, lũ lịch sử, vận hành hồ chứa).

- Xây dựng các bản đồ ngập lụt chi tiết đến cấp huyện và cấp xã theo các kịch bản khác nhau, sát với thực tế để có thể ứng dụng được trong công tác phòng chống lũ lụt của địa phương.

- Chuyên giao các bản đồ ngập lụt cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp để có thể chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống diễn biến lũ lụt thực tế.

b3) Quy mô đầu tư:

Thực hiện cập nhật, nâng cấp hệ thống bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi đã lập để phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên vùng đồng bằng ngập lũ các sông lớn: Trà Bông, Trà Khúc, Vệ, Trà Câu (trên địa bàn 93 xã thuộc 07 huyện, thành phố: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, TP. Quảng Ngãi, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành).

b4) Dự toán kinh phí: 2.880.809.000 đồng; Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, tám trăm linh chín nghìn đồng.

b5) Nguồn kinh phí: Vốn sự nghiệp do ngân sách tỉnh.

b6) Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2021.

c) *Nhiệm vụ 3: Đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp ứng phó.*

c1) Mục tiêu:

- Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu thủy văn, địa hình cập nhật đầy đủ hệ thống công trình đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, hệ thống cống thủy lợi, công dân sinh và các công trình cầu qua đường cao tốc và các công trình giao thông ảnh hưởng lớn đến lưu vực sông Trà Bồng, sông Trà Khúc;

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của hệ thống công trình đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến khả năng ngập lụt của khu vực đường cao tốc đi qua tỉnh Quảng Ngãi;

- Xác định chênh lệch mực nước thượng hạ lưu công trình đường giao thông, các trường lưu tốc theo các trường hợp;

- Đánh giá khả năng thoát lũ của hệ thống cầu, cống qua đường cao tốc;

- Xây dựng các tập bản đồ khoanh vùng ngập lụt tại các khu dân cư bị ảnh hưởng ngập tăng lên do đường cao tốc để phục vụ công tác phòng chống ngập lụt bão;

- Đề xuất các giải pháp ứng phó với ngập lụt vùng hạ lưu sông Trà Bồng, sông Trà Khúc.

c2) Nhiệm vụ:

- Thu thập các số liệu về khí tượng, thủy văn, thủy lực địa hình và các đề tài nghiên cứu đã có, liên quan đến lĩnh vực và khu vực nghiên cứu, đặc biệt là số liệu của đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi bao gồm: mặt bằng, cắt dọc, ngang và hệ thống các công trình cầu, cống qua đường để đánh giá được thực trạng những tồn tại trong công tác phòng chống lũ, thu thập quy hoạch phát triển KTXH trong tương lai để xác định nhiệm vụ chính của dự án phải phục vụ.

- Khảo sát thực tế tuyến đường cao tốc, đo đạc bổ sung địa hình khu vực lân cận, các cống và cầu thoát lũ qua đường cao tốc cùng các vết lũ.

- Nghiên cứu tổng quan vấn đề ngập lụt trong khu vực và đưa ra phương pháp nghiên cứu.

- Xây dựng hệ thống kịch bản mô phỏng đánh giá tác động ngập lụt do ảnh hưởng của công trình đường cao tốc gây ra.

- Xây dựng mô hình vận hành điều tiết hồ chứa lũ theo quy trình liên hồ trên sông Trà Khúc làm cơ sở xác định biên đầu vào cho mô hình thủy lực.

- Xây dựng mô hình thủy lực MIKE FLOOD, mô phỏng ngập lụt mạng lưới sông Trà Bồng và Trà Khúc - sông Vệ khi có cập nhật hệ thống công trình thoát nước (cống qua đường); kiểm định cho trận lũ xuất hiện sau khi có

đường cao tốc.

- Đánh giá lại mức độ ngập lụt ứng với trận lũ lớn đã xảy ra với trận lũ thực tế 2017 và các trận lũ lớn trong quá khứ 2009 và 2013.

- Đánh giá tác động của công trình đường cao tốc và mức độ đáp ứng của các cống qua đường cao tốc đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi đến khả năng thoát lũ;

- Đề xuất các giải pháp ứng phó với ngập lụt vùng hạ lưu do tác động của hệ thống công trình giao thông.

- Đánh giá khoanh vùng các khu vực gia tăng ngập lụt lớn.

c3) Quy mô đầu tư

Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến tình trạng ngập lụt khi có mưa, lũ xảy ra trên lưu vực sông Trà Bông, sông Trà Khúc thuộc địa bàn các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh, Thành phố Quảng Ngãi, Tư Nghĩa. Đề xuất các giải pháp ứng phó hiệu quả.

c4) Dự toán kinh phí: 3.750.596.000 đồng; Bằng chữ: Ba tỷ, bảy trăm năm mươi triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng.

c5) Nguồn kinh phí: Vốn sự nghiệp do ngân sách tỉnh.

c6) Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2021.

d). *Nhiệm vụ 4: Xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai.*

d1) Mục tiêu: Củng cố, từng bước hoàn thiện hệ thống trạm đo mưa, đo mực nước tự động phục vụ tham mưu chỉ huy, chỉ đạo và triển khai thực hiện các nhiệm vụ ứng phó nhanh với diễn biến thiên tai (mưa, lũ lớn) trên địa bàn tỉnh. Đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo lũ của cơ quan khí tượng, thủy văn tại tỉnh Quảng Ngãi.

d2) Nhiệm vụ:

- Khảo sát vị trí và thiết kế xây dựng, lắp đặt các trạm đo mực nước tự động, đo mưa tự động.

- Xây dựng và lắp đặt các trạm đo mực nước tự động, đo mưa tự động.

d3) Quy mô đầu tư:

Xây dựng, lắp đặt các trạm đo mưa, đo mực nước tự động gồm:

- Lắp đặt 10 trạm đo mưa tự động trên lưu vực các sông lớn của tỉnh, cụ thể tại: Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn; xã Trà Thủy, huyện Trà Bông; xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh; xã Ba Xa và xã Ba Giang, huyện Ba Tơ; xã Sơn Cao và xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà; xã Hành Tín Tây, huyện Nghĩa Hành; xã Long Môn, huyện Minh Long; xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ.

- Xây dựng, lắp đặt 06 trạm đo mực nước tự động: sông Thoá (01 trạm, tại cầu máng kênh S18, xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành) và các trạm đo mực nước ở khu vực trung lưu các sông: Sông Trà Bông (01 trạm, tại thôn Trung An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn); sông Trà Câu (01 trạm, tại thôn Mỹ

Thuận, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ); sông Trà Khúc (01 trạm, cầu Trường Xuân, thành phố Quảng Ngãi); sông Vệ (02 trạm, tại cầu Đá Hai, thôn Nghĩa Lập, xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức và thôn Thiên Xuân, xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành).

d) Dự toán kinh phí: : 2.126.186.000 đồng; Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn đồng.

đ) Nguồn kinh phí: Vốn sự nghiệp do ngân sách tỉnh.

đ) Thời gian thực hiện: Năm 2020.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và xây dựng dự toán năm 2020 và 2021 gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi tỉnh (Chánh Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh) tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, tiến độ và sử dụng quyết toán nguồn kinh phí đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước; xây dựng dự toán năm 2020 và 2021 gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp theo Khoản 1 Điều này.

3. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm cân đối, tham mưu bố trí nguồn kinh phí đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trên.

4. Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi chịu trách nhiệm kiểm soát, thành toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu trên theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Quảng Ngãi; Chi cục Thủy lợi tỉnh (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh); Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KT, TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNtv403.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Ngọc Căng**



Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CÁC NHIỆM VỤ**

(Kèm theo Quyết định số 1749 /QĐ-UBND ngày 18 /11/2019  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**1. Nhiệm vụ 1: Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống truyền hình hội nghị trực tuyến tại Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh**

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Tổng cộng (VNĐ)			Ghi chú
		Giá trị trước thuế	Thuế GTGT (Vat)	thành tiền	
I	Chi phí xây lắp	0	0	0	
II	Chi phí thiết bị	451.190.000	45.119.000	496.309.000	
III	Chi phí quản lý đầu tư	11.929.464	1.192.946	13.122.410	QĐ 2378/QĐ-BTTTT
IV	Chi phí tư vấn đầu tư	4.764.566	476.457	5.241.023	
1	Lập đề cương nhiệm vụ, dự toán đầu tư	2.404.843	240.484	2.645.327	QĐ 2378/QĐ-BTTTT
2	Chi phí thẩm tra	2.000.000	0	2.000.000	QĐ 2378/QĐ-BTTTT
3	Chi phí giám sát thi công	2.359.724	235.972	2.595.696	QĐ 2378/QĐ-BTTTT
VI	Chi phí khác (thuê đường truyền)		0	30.000.000	Thuê đường truyền Viettel trong 1 năm
VI	Dự phòng	0	0	0	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>546.672.433</b>	
	<b>Làm tròn</b>			<b>546.673.000</b>	

**2. Nhiệm vụ 2: Cập nhật, xây dựng, nâng cấp Bản đồ ngập lụt thuộc dự án Giảm nhẹ thiên tai Quảng Ngãi phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh**

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Nội dung công việc	Tổng kinh phí	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>2.196.384.056</b>	
<i>1,1</i>	<i>Chi các nội dung công việc</i>	<i>2.012.584.056</i>	
1.1.1	Thu thập, cập nhật thông tin địa hình, địa mạo và đo đạc bổ sung địa hình (mặt cắt ngang sông, công trình giao thông, thủy lợi)	535.328.630	
a	Chi phí điều tra, cập nhật thông tin địa hình, địa mạo	163.588.310	(Bảng dự toán chi tiết)
b	Chi phí đo đạc bổ sung địa hình	371.740.320	(Bảng dự toán chi tiết)
1.1.2	Cập nhật, thiết lập bổ sung các mô hình thủy văn, thủy lực và tính toán mô phỏng ngập lụt lưu vực do lũ	962.157.636	QĐ số 1518/QĐ-BNN-TCT L; Thông tư số 36/2017/TT-BTNMT
1.1.3	Xây dựng bản đồ ngập lụt do lũ	369.856.790	QĐ số 1518/QĐ-BNN-TCT L
1.1.4	Tập huấn và chuyển giao bản đồ ngập lụt do lũ	115.241.000	(Phụ lục 5: Dự toán chi phí tập huấn, chuyển giao)
1.1.5	Biên tập báo cáo tổng hợp kết quả dự án	30.000.000	(Bảng dự toán chi tiết)
<i>1,2</i>	<i>Chi phí khác</i>	<i>183.800.000</i>	
1.2.1	In ấn tài liệu, báo cáo, bản đồ	111.800.000	(Bảng dự toán chi tiết)
1.2.2	Chi phí thuê phương tiện phục vụ khảo sát	72.000.000	(Bảng dự toán chi tiết)
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý đầu tư</b>	<b>85.781.729</b>	TT số 05/2017/TT-BXD
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư</b>	<b>339.342.863</b>	
3.1	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ và dự toán nhiệm vụ	96.826.428	TT số 05/2017/TT-BXD
3.2	Chi phí thẩm định lập đề cương và dự toán nhiệm vụ	19.365.286	
3.3	Chi phí thẩm định lập	91.056.122	



3.4	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá nhà thầu tư vấn	10.354.019	QĐ số 79/QĐ-BXD
3.5	Chi phí giám sát khảo sát bổ sung	15.137.266	QĐ số 79/QĐ-BXD
3.6	Chi phí thẩm tra xét duyệt dự án	93.241.010	QĐ số 1699/QĐ-BNN-KHCN
3.7	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	28.500.000	Hệ số chọn theo Thông tư 09/2016/TT-BTC; Tạm tính TMDT (sẽ chuẩn xác khi phê duyệt dự án)
<b>IV</b>	<b>Thuế VAT (10%)</b>	<b>259.300.865</b>	Mục 3,6 không tính thuế
<b>V</b>	<b>Tổng kinh phí</b>	<b>2.880.809.513</b>	
	<b>Làm tròn</b>	<b>2.880.809.000</b>	

**3. Nhiệm vụ 3: Đánh giá ảnh hưởng của đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ngập lụt tỉnh Quảng Ngãi và giải pháp ứng phó**

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	Nội dung	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ đánh giá ảnh hưởng</b>		
1	Thu thập, điều tra bổ sung số liệu	78.235.000	
1.1	Thu thập hệ thống hóa các tài liệu cơ bản phục vụ dự án (kế thừa các dự án cũ và phối hợp với địa phương)	75.035.000	
1.2	Thu thập bổ sung tài liệu khí tượng - thủy văn - hải văn trong 2 năm gần đây	3.200.000	
2	Phần mô hình và chuyên đề tính toán	2.096.052.497	
2.1	Xây dựng mô hình thủy văn, thủy lực và bản đồ lưu vực sông Trà Bồng	759.906.061	
2.2	Xây dựng mô hình thủy văn, thủy lực và bản đồ lưu vực sông Trà Khúc	966.163.186	
2.3	Chuyên đề nghiên cứu vận hành điều tiết lũ hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc.	119.991.750	
2.4	Chuyên đề báo cáo tính toán ảnh hưởng đường cao tốc đến ngập lụt hạ lưu sông Trà Bồng và giải pháp ứng phó	100.080.000	
2.5	Chuyên đề báo cáo tính toán ảnh hưởng đường cao tốc đến ngập lụt hạ lưu sông Trà Khúc và giải pháp ứng phó	149.911.500	
3	Chi phí khác	66.260.000	
	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>2.240.547.497</b>	
	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<b>134.432.850</b>	
	<b>Tổng chi phí trước thuế VAT</b>	<b>2.374.980.346</b>	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>116.967.782</b>	05/2017/TT-BXD
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>	<b>888.390.623</b>	
1	Chi phí khảo sát địa hình	365.941.000	

2	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	14.901.118	Quyết định 79/QĐ-BXD
3	Chi phí lập đề cương dự toán nhiệm vụ	136.846.368	05/2017/TT-BXD
4	Chi phí thẩm định lập đề cương dự toán nhiệm vụ	27.369.274	
5	Chi phí thẩm định dự án	125.873.958	
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá nhà thầu tư vấn	15.579.871	Quyết định 79/QĐ-BXD
7	Chi phí thẩm tra dự án	166.248.624	QĐ 1699/QĐ-BNN-KHCN
8	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	35.630.411	TT 09/2016/TT-BTC
<b>IV</b>	<b>Hội thảo</b>	<b>35.760.000</b>	
	<b>Thuế VAT</b>	<b>334.470.834</b>	Trừ Chi phí III.8
	<b>Giá trị sau thuế</b>	<b>3.750.569.586</b>	
	<b>LÀM TRÒN</b>	<b>3.750.569.000</b>	

**4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng, lắp đặt trạm đo mưa tự động và trạm đo mực nước tự động phục vụ phòng, chống thiên tai**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ</b>	0	0	0
2	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	146.512.548	14.651.255	161.163.803
a	<i>Trạm đo mực nước tự động (6 trạm): (26.860.634 x 6 trạm)</i>	146.512.548	14.651.255	161.163.803
3	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	781.000.000	78.100.000	859.100.000
b	<i>Trạm đo mực nước tự động (6 trạm)</i>	408.000.000	40.800.000	448.800.000
c	<i>Trạm đo mưa tự động (10 trạm) (41.010.300 x 10 trạm)</i>	373.000.000	37.300.000	410.300.000
4	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	28.827.090	0	28.827.090
5	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG</b>	257.063.381	25.706.338	282.769.719
5.1	Chi phí lập BCKTKT	57.505.778	5.750.578	63.256.356
5.2	Chi phí khảo sát địa hình	192.114.844	19.211.484	211.326.328
5.3	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	1.818.182	181.818	2.000.000
5.4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	1.818.182	181.818	2.000.000
5.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3.806.396	380.640	4.187.036
5.6	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	5.607.580	560.758	6.168.338
6	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	50.215.690	2.863.120	693.078.809
6.1	Chi phí hạng mục chung	27.825.376	2.782.538	30.607.914
6.1a	<i>Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công</i>	9.275.125	927.513	10.202.638
6.1b	<i>Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế,</i>	18.550.251	1.855.025	20.405.276
6.2	Phí thẩm định BCKTKT (Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)	176.227	0	176.227
6.3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng	5.000.000	0	5.000.000
6.4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	16.408.267	0	16.408.267
6.5	Chi phí bảo hiểm công trình (Thông tư 329/2016/TT-BTC)	805.819	80.582	886.401

6.6	Chi phí vận hành, bảo trì thiết bị, hệ thống (03 năm)	0	0	570.000.000
	<i>Trạm đo mưa tự động (10 triệu đồng/ trạm/ năm)</i>			300.000.000
	<i>Trạm đo mực nước tự động (15 triệu đồng/ trạm/ năm)</i>			270.000.000
6.7	Xây dựng phần mềm quản lý chung các trạm khí tượng, thủy văn			70.000.000
7	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>			<b>101.246.971</b>
7.1	<i>Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh</i>			101.246.971
7.2	<i>Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá</i>			0
	<b>TỔNG CỘNG (1+2+.....+7)</b>			<b>2.126.186.393</b>